

NÉT SÁNG TẠO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG VÀ TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở KIẾN TƯỜNG GIAI ĐOẠN 1954 – 1960

THÁI VĂN THƠ*

TÓM TẮT

Bài báo viết về quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở tỉnh Kiến Tường giai đoạn từ 1954 đến 1960. Qua đó làm rõ những nét sáng tạo độc đáo trong quá trình giữ gìn lực lượng cách mạng cũng như trong phong trào Đồng Khởi năm 1960 ở Kiến Tường trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt.

Từ khóa: Kiến Tường, lực lượng cách mạng, giữ gìn lực lượng, sáng tạo.

ABSTRACT

The creative features during the process of fighting and preserving revolutionary forces towards Dong Khoi (simultaneous uprisings) in Kien Tuong in the period (1954 - 1960)

This article resurrects the process of struggling, maintaining, building and developing the revolutionary forces in Kien Tuong Province in the period from 1954 to 1960, through which the features of the creative process keeping forces as well as revolutionary movements Dong Khoi in 1960 in the unyielding heroic land during the years of severe struggles are specified.

Keywords: Kien Tuong, revolutionary forces, preserving forces, creative.

1. Đặt vấn đề

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Genève được kí kết, đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp trường kì 9 năm của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Miền Bắc Việt Nam đã độc lập. Sau khi người Pháp đại bại rút đi thì Mĩ chen chân nhảy vào. Với tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, Mĩ xúc tiến thiết lập ngay chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tập trung sức lực tiêu diệt các lực lượng chống đối và thực hiện quốc sách “tổ cộng, diệt cộng” khủng bố, đàn áp khốc liệt trên toàn miền Nam. Trong khi đó, về phía ta, vẫn chủ trương

tuân thủ theo những quy định trong Hiệp định Genève là đấu tranh chính trị, hòa bình không vũ trang để tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất. Và thực tế, lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và ở tỉnh Kiến Tường nói riêng bị thiệt hại nặng nề, tổn thất to lớn.

Đứng trước tình thế vô cùng khó khăn đó, Đảng bộ, Tỉnh ủy Kiến Tường một mặt vẫn tuân thủ theo chủ trương của Trung ương là đấu tranh chính trị, hòa bình, mặt khác lại có những sáng tạo riêng để xây dựng lực lượng chống Diệm, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Nhờ vậy, Kiến Tường đã giữ gìn và phát triển

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

được lực lượng cách mạng lớn mạnh trước sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của chính quyền Mĩ - Diệm và đã sẵn sàng cho Đồng Khởi.

2. Tình hình ở Kiến Tường sau Hiệp định Genève

Sau khi Hiệp định Genève có hiệu lực, ở Kiến Tường (lúc này còn là huyện Mộc Hóa thuộc tỉnh Tân An) hòa chung niềm vui chiến thắng với cả nước, trên khắp các xã, ấp, nhân dân nô nức mít-tinh mừng chiến thắng, hòa bình. Huyện ủy Mộc Hóa đã được Khu 8 tổ chức lại và khẩn trương sắp xếp lại cán bộ, đảng viên, chuẩn bị mọi mặt cho phù hợp với tình thế cách mạng mới. Theo quy định của Hiệp định Genève, ở khu vực Trung Nam Bộ, lực lượng cách mạng sẽ tập kết tại Cao Lãnh và chuyển ra miền Bắc trong thời hạn 100 ngày. Ngày 1-11-1954, tại Cao Lãnh lực lượng vũ trang của ta đã tập kết và rút quân ra miền Bắc theo đúng quy định.

Khi lực lượng cách mạng rút đi, ở Mộc Hóa đã xuất hiện các loại quân của địch chiếm đóng. Hàng vạn quân của Diệm, quân quốc gia của Pháp, quân Cao Đài, Hòa Hảo ùn ùn kéo vào chiếm đóng Mộc Hóa nhằm *“xóa bỏ một địa bàn quan trọng của căn cứ Đồng Tháp Mười”* [10, tr.44], một nơi mà chúng gọi là “thánh địa” của “Việt cộng”. Tiểu đoàn 520 ngụy tiến vào gò Bắc Chan (thị xã Mộc Hóa) và ở phía Nam kênh Dương Văn Dương (xã Nhơn Hòa Lập) tiến hành càn quét. Các đại đội Hòa Hảo cũng tràn vào vùng Cà Vàng, Địa Phèn, ngã ba Đốc Vàng đến Gãy Cờ Đen (xã Hậu Thạnh).

Phái “Cao Đài liên minh” do Trịnh Minh Thế chỉ huy đã đầu hàng Diệm từ Tây Ninh cũng tràn xuống đóng theo sông Vàm Cỏ Tây đến Mỹ An Phú, Mỹ Lạc, Bình Hòa và một số ở dọc kênh Dương Văn Dương đối diện với ngụy quân Sài Gòn [7; tr.371]. Ngay khi các lực lượng này vào chiếm đóng thì cảnh tang tóc đau thương đã diễn ra hàng loạt trên vùng đất bung biển. Khói lửa chiến tranh đã phủ cao ngút trên bầu trời Mộc Hóa.

Tình hình lúc này ở Mộc Hóa hết sức “ngọt ngọt”. Một bầu không khí tang tóc đau thương bao trùm lên toàn Huyện. Địch tiến hành khủng bố, đàn áp khốc liệt lực lượng cách mạng và nhân dân. Hàng loạt vụ khủng bố, đàn áp của địch đã diễn ra ở khắp các xã, ấp. Đồng thời, Mĩ - Diệm còn đưa gần “20.000 dân phần lớn là giáo dân từ miền Bắc, miền Trung vào đóng dọc theo biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia, từ Thạnh Trị đến Long Khốt, Gò Cát, Chác Rùm, Thái Trị, từ Gãy Cờ Đen, Gò Dung đến Bắc Hòa, Thạnh Cần qua khu nhà thờ Lá xã Nhơn Hòa Lập” [10; tr.68] để thành lập “17 khu trừ mật - khu dinh điền” [1; tr.665]. Các khu dinh điền và khu trừ mật đều nằm ở những vị trí trọng yếu, hình thành tuyến ngăn chặn dọc biên giới. Địch dùng lực lượng quân sự, kết hợp với bộ máy kìm kẹp ở xã, ấp tiến hành càn quét, khủng bố trắng.

Trước tình hình địch khủng bố, đàn áp khốc liệt quần chúng và lực lượng cách mạng, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Tân An, Huyện ủy Mộc Hóa đã lãnh đạo nhân dân, xúc tiến quá trình đấu tranh giữ

gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, chống lại sự đàn áp, kìm kẹp của kẻ thù. Và trong quá trình đấu tranh ở Mộc Hóa đã nảy sinh những nét đặc trưng, thể hiện sự độc đáo, sáng tạo có tính chất tiêu biểu của phong trào cách mạng nơi đây, một nơi từng là trung tâm của Đồng Tháp Mười – “thủ đô kháng chiến” của Nam Bộ thời chống Pháp.

3. Những nét sáng tạo trong quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở Kiến Tường giai đoạn (1954 – 1959)

Từ sau Hiệp định Genève đến cuối năm 1954, hầu hết tất cả vùng căn cứ cũ của ta ở Mộc Hóa đã bị các loại lực lượng địch chiếm đóng. Địch đã đóng được “117 đồn, và lần lượt xây dựng được hầu hết bộ máy kìm kẹp ở 20 xã của huyện” [10; tr.47]. Trước diễn biến phức tạp của tình hình cách mạng lúc bấy giờ, và để đối phó với hành động bạo lực trắng trợn của địch, từ tháng 2 năm 1955, Huyện ủy Mộc Hóa đã bí mật tìm kiếm vũ khí trang bị cho một tiểu đội để bảo vệ cơ quan Huyện ủy và tiêu diệt một số tên ác ôn. Chủ trương đúng đắn này đã phát huy tác dụng đáng kể làm cho ngụy quân và những tên gian ác phải co lại không dám lộng hành như trước nữa. Trước tình trạng các giáo phái li khai chống Diệm kéo nhau vào lần chiếm Mộc Hóa, và quán triệt chỉ đạo của Bộ Chính trị là phải “*tìm cách duy trì lực lượng giáo phái li khai để gây khó khăn cho Mĩ - Diệm*” [2, tr.44], Khu ủy Khu 8 đã chỉ đạo cho Tỉnh ủy Tân An cài người của ta vào các đơn vị giáo phái “Cao Đài tự do”

[9, tr.160] và lực lượng Hòa Hảo để nhằm phân hóa, chỉ huy hoặc lôi kéo chúng về phía cách mạng và cùng “*chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chính là Mĩ - Diệm*” [5; tr.80]. Việc lực lượng cách mạng của ta “núp” dưới danh nghĩa *lực lượng giáo phái li khai* là để “*ẩn mình*”, “*che mắt*” Diệm vừa để tránh các cuộc đàn áp, khủng bố của địch vừa giữ gìn, củng cố và phát triển lực lượng. Đây được xem là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo và rất phù hợp với tình thế cách mạng ở huyện Mộc Hóa (Tân An) lúc bấy giờ.

Đến năm 1956, khi các lực lượng giáo phái bị tiêu trừ, tan rã hoặc lần lượt ra đầu hàng Diệm, lực lượng của ta đã tách ra thành lập các đơn vị vũ trang đầu tiên như Tiểu đoàn Phước Du Cao Đài và vẫn còn mang danh nghĩa giáo phái để che mắt Diệm. Có thể thấy, việc khéo léo tổ chức và duy trì lực lượng vũ trang “núp” dưới danh nghĩa giáo phái li khai để bảo vệ lực lượng cách mạng, diệt ác ôn, ngăn chặn địa chủ cướp ruộng đất của nông dân đã thu được hiệu quả lớn, đây là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo của quân dân Mộc Hóa trong một thời kỳ đấu tranh gian khổ và khốc liệt.

Đến giữa năm 1956, Mĩ - Diệm đã đẩy chiến dịch “*tố cộng, diệt cộng*” lên giai đoạn 2, với quy mô lớn và tính chất vô cùng ác liệt. Việc đấu tranh đòi Mĩ - Diệm hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền đã quá xa vời. Tháng 8 năm 1956, trong bản *Đề cương cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn đã xác định: trước chính sách khủng bố tàn bạo của kẻ thù, thì nhân dân miền

Nam không có con đường nào khác là “*phải đứng lên đập tan chính sách độc tài phát xít Mĩ - Diệt để tự cứu mình*” [8; tr.43]. Đến tháng 12 năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ họp Hội nghị để cụ thể hóa một số vấn đề của *Đề cương cách mạng miền Nam* và thông qua *Đề án vũ trang tuyên truyền* do đồng chí Nguyễn Minh Đường - Bí thư Khu Trung Nam Bộ soạn thảo. Sau khi học tập *Đề cương cách mạng miền Nam* và Nghị quyết Xứ ủy (12-1956), Tỉnh ủy Tân An đã triệt để chấp hành chủ trương, đường lối của Xứ ủy. Sau Hội nghị và nhất là khi Xứ ủy thông qua *Đề án vũ trang tuyên truyền* thì hoạt động vũ trang tuyên truyền được Tỉnh ủy đẩy mạnh phát triển và có hiệu quả làm giảm sự hung hăng của địch, ổn định được tư tưởng trong Đảng bộ và quần chúng cách mạng.

Từ cuối năm 1956 đến đầu năm 1957, nhiều nơi ở Tân An mà tiêu biểu là Mộc Hóa, phong trào trừ gian, diệt ác đã diễn ra mạnh mẽ trên khắp địa bàn các xã, ấp trong huyện. Trong quá trình đấu tranh, việc phải quán triệt, tuân thủ chủ trương của Trung ương là không vũ trang đã tạo nên thách thức lớn cho cách mạng ở Mộc Hóa, vì thực tế đòi hỏi phải có hoạt động vũ trang mới kháng lại được súng đạn, lưỡi lê, máy chém của chính quyền Mĩ - Diệm, mới khỏi bị đàn áp và tiêu diệt. Đứng trước tình thế nan giải đó, các chiến sĩ cách mạng ở Mộc Hóa đã nghĩ ra một sáng kiến độc đáo là sử dụng những cây trâm bầu, với đặc tính có nhiều mấu gai nhọn làm vũ khí đánh trả, diệt gian trừ ác; vừa không trái với chủ

trương của Trung ương vừa phát huy hiệu quả. Vì vậy, từ đây “bộ đội trâm bầu” [11; tr.17] đã ra đời. Đó là tên gọi trù mến thân thương mà nhân dân nơi đây đã dành cho những chiến sĩ, cán bộ cách mạng đấu tranh trong tình cảnh thiếu thốn khó khăn. Đây thực sự là một nét sáng tạo, độc đáo của quân dân Mộc Hóa trong quá trình đấu tranh cách mạng.

Là một vùng đất bung biên với nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng Mộc Hóa lại là nơi có lực lượng vũ trang phát triển sớm thông qua các hình thức đấu tranh phong phú, sáng tạo và độc đáo. Lực lượng vũ trang của huyện đã hỗ trợ khá hiệu quả cho đồng bào bị địch gom vào trại giam tập trung ở Vàm Xáng (Tuyên Nhơn), tiến hành phá khu trở về nơi ở cũ; đồng thời, lực lượng vũ trang huyện đã tổ chức tuyên truyền ở các vùng, bám dân, tổ chức đấu tranh, xây dựng nông cốt, tự vệ mật. Đến tháng 4 năm 1957, huyện Mộc Hóa được tách ra để thành lập tỉnh Kiến Tường và chia thành 4 vùng: 2, 4, 6, 8 tương ứng với 4 quận của tỉnh là Châu Thành, Kiến Bình, Tuyên Nhơn, Tuyên Bình, để phù hợp với tình hình đấu tranh mới.

Năm 1957, đánh dấu sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của địch đối với lực lượng cách mạng. Chính quyền Diệm tiến hành bắt bớ, tù đày hầu hết những người kháng chiến và gia đình có người tham gia cách mạng. Các khu dinh điền, khu trù mật được xây dựng hàng loạt mà Mĩ - Diệm gọi bằng những từ hoa mĩ, với mục đích cao cả, nào là “*cải thiện dân sinh*”, “*chỉnh trang lãnh thổ*”, “*tu sản hóa*

nông dân vô sản” [4, tr.850] và nhằm “*thực thi công bằng, bác ái, đồng tiến xã hội...*” [12, tr.363] nhưng thực chất đó là nơi để gom dân, tách dân ra khỏi ảnh hưởng cách mạng, là nơi cung cấp tin tình báo, là “pháo đài tiểu cộng” của chúng. Dịch còn cấm dân liên hệ hoặc tiếp tế cho cách mạng. Hàng loạt trại giam, nhà tù đã mọc lên khắp miền đất bưng biền Mộc Hóa. Tuy nhiên tất cả những hành động xảo trá, dã man đó của chính quyền Mĩ - Diệm không làm cho quần chúng nhân dân và lực lượng cách mạng nao núng, run sợ, mà trái lại, với những hoạt động đấu tranh phong phú, sáng tạo như *sử dụng lực lượng đặc công kết hợp với nội ứng bên trong*, quân dân Kiến Tường đã phá tù, khám, tiêu diệt địch, thu về nhiều vũ khí, đạn dược trang bị cho cách mạng. Tiêu biểu là trận đánh khám Mộc Hóa do đồng chí Nguyễn Văn Hoạt chỉ huy. Trong trận này, ta đã “*sử dụng lực lượng đặc công kết hợp với nội ứng bên trong khám, diệt một tiểu đội địch, thu 10 súng, giải thoát 37 tù chính trị*” [10; tr.66].

Cũng trong thời gian này, trước sự đánh phá khủng bố ác liệt của địch, trong khi Trung ương chưa cho phép vũ trang đánh trả, để bảo toàn lực lượng, chấp hành Chỉ thị 17 của Xứ ủy (1957), công tác chuyển vùng hay “*điều lắng*” [6; tr.41] đã được Tỉnh ủy Kiến Tường thực hiện triệt để nhằm bảo vệ lực lượng. Song song đó, lực lượng vũ trang của tỉnh đã tiến hành xây dựng căn cứ để tự vệ, gọi là “*địa bàn phòng ngự*” [10; tr.69] và mọi hoạt động đều diễn ra hết sức bí mật để tránh tai mắt của địch.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy cũng chỉ thị cho lực lượng vũ trang phân tán xuống từng vùng, từng địa bàn để bám dân, tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt gian trừ ác ôn, tề, điệp. Từng đêm, các tổ vũ trang đột nhập vào từng nhà trường ấp, địa chủ, hội đồng, để cảnh cáo không cho chúng cướp đất, thu tô của dân. Nếu tên nào ngoan cố thì tiến hành “*rút giò*” [1; tr.667]. Tức là tròng trị những tên ác ôn bằng cách nắm chân kéo xuống nhận chìm dưới nước. Chính những hoạt động đấu tranh sáng tạo này đã làm cho tề, điệp, địa chủ, ác ôn ở xã, ấp không dám lộ hành như trước nữa.

Sau Hội nghị Xứ ủy mở rộng lần thứ 2 (đầu năm 1958), hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Kiến Tường được đẩy mạnh. Trong hai năm 1958 - 1959, hoạt động vũ trang ở Kiến Tường phát triển mạnh mẽ, sôi nổi, hỗ trợ tích cực và hiệu quả phong trào đấu tranh của quần chúng. Những trận đánh trừ gian, diệt tề, diệt đồn bót địch với những hoạt động phong phú, sáng tạo đã được đẩy mạnh, phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh và bước đầu giành được thắng lợi quan trọng: trong tháng 4-1958, một trung đội vũ trang đã đột nhập chợ Vàm Dung (Vĩnh Thạnh) diệt 3 tên công dân vụ, thu 4 súng; tháng 3-1959, ta phục kích ở Cả Bàng (Tuyên Bình), diệt một tiểu đội bảo an, tròng trị một số tề, điệp; tháng 6-1959, ta tấn công vào Vàm Dung giải tán lực lượng kìm kẹp của địch ở khu trù mật Ruộng Lưới và các khu dinh điền gò Cát, Hiệp Thành (xã Vĩnh Thạnh); ngày 16-11-1959, ta tấn công diệt 3 đồn: Ông

Tồn, Đá Biên, Ma Reng; ngày 20-11-1959, lực lượng vũ trang vùng 4 của Kiến Tường phối hợp với lực lượng vũ trang Kiến Phong đánh sập tháp kên Ba (tháp Mười tầng - đài quan sát của địch) và diệt gần một trung đội địch [10; tr.72-73]. Những trận đánh sôi nổi và hiệu quả của lực lượng vũ trang cách mạng trong giai đoạn này đã làm cho địch quân ở Kiến Tường “không xoay chuyển được tình thế” [1; tr.672], làm cho chúng hoang mang, lo lắng và ngày càng lún sâu vào khủng hoảng, suy yếu.

Từ sau Hiệp định Genève đến năm 1959, với những hoạt động đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi, quân dân Kiến Tường đã tiến hành trừ gian diệt ác, diệt địch bằng các hình thức đấu tranh độc đáo, thể hiện sự mưu trí, sáng tạo như “núp” dưới danh nghĩa *lực lượng giáo phái li khai* chống Diệm để giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng; bí mật “rút gò” tiêu diệt địa chủ, tề điệp ác ôn; *sử dụng lực lượng vũ trang tiến công phối hợp với lực lượng chính trị; dùng lực lượng vũ trang và đặc công kết hợp với nội ứng bên trong* công đồn, chiếm bót địch, phá thế kìm kẹp nhân dân, giải phóng xã, ấp... Chính những hoạt động đấu tranh phong phú, sáng tạo này, Kiến Tường không những giữ gìn và phát triển được lực lượng cách mạng vững mạnh mà còn tạo tiền đề quan trọng cho quân dân tỉnh nhà bước vào Đồng Khởi thắng lợi vang dội vào năm 1960 sau đó.

4. Nét đặc trưng của phong trào Đồng Khởi ở Kiến Tường năm 1960

Bước sang năm 1959, quân dân

Kiến Tường đã hùng hực khí thế đấu tranh. Vào tháng 1 năm 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II đã họp và xác định: “*Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam*” [3; tr.81]. Hội nghị cũng vạch rõ con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là “*khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân*” và “*lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*” [3; tr.82]. Từ Hội nghị lịch sử này, Nghị quyết 15 của Trung ương đã ra đời. Như trời hạn gặp mưa rào, Nghị quyết 15 như một cơn gió mát xua đi không khí oi bức, ngột ngạt của bầu trời miền Nam, đã phản ánh đúng và giải quyết kịp thời yêu cầu cấp thiết của thực tiễn cách mạng miền Nam trong tình thế thực sự chín mùi. Nghị quyết đã đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ở miền Nam nói chung và Kiến Tường nói riêng.

Tháng 11-1959, Xứ ủy Nam Bộ đã tổ chức Hội nghị lần thứ 4 để quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 15. Đến tháng 12-1959, Hội nghị Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ được tổ chức tại huyện Hồng Ngự (Kiến Phong). Sau Hội nghị Liên Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Minh Đường - Bí thư Khu ủy Khu 8 đã

trực tiếp triển khai Nghị quyết 15, Nghị quyết của Xứ ủy và Nghị quyết Liên Tỉnh ủy cho Tỉnh ủy Kiên Tường. Hội nghị Tỉnh ủy Kiên Tường đã đề ra chủ trương: *“Lấy tấn công quân sự làm đòn xeo, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm, giải tán tề ấp, tề xã, phá các khu dinh điền, khu trừ mật giành quyền làm chủ, mở rộng vùng nông thôn giải phóng”* [1; tr.674]. Có thể thấy, chủ trương của Tỉnh ủy đã thể hiện tư duy sáng tạo và rất sát với thực tế tình hình cách mạng ở địa phương.

Kiên Tường là tỉnh có lực lượng vũ trang phát triển sớm và mạnh nên trong Đồng Khởi có những nét đặc trưng như việc sử dụng mũi quân sự đi trước làm “đòn xeo” kết hợp với mũi tấn công chính trị của quần chúng đồng loạt nổi dậy diệt đồn, bắt địch. Ngày 15-1-1960, tại xã Thạnh Phước, vùng 6, lực lượng vũ trang phối hợp với nội tuyến cùng nội ứng trong đồn Ma Reng nổ súng diệt 18 tên địch, bắt sống 8 tên, thu 20 súng và toàn bộ đạn dược [10; tr.82], mở đầu phong trào Đồng Khởi ở tỉnh. Sau đó, lực lượng vũ trang tiếp tục hỗ trợ lực lượng quần chúng phát huy khí thế và thắng lợi, tiếp tục tổ chức lực lượng xông vào các khu địch đồn dân, khu trừ mật ở Nồi Gò, kênh Tắc, kênh Ma Reng, vận động quần chúng phá tan các khu gom dân của địch [1; tr.676].

Ngày 17-01-1960, cuộc Đồng Khởi của nhân dân Bến Tre đã nổ ra, bằng lực lượng chính trị quần chúng, quân dân Bến Tre đã đấu tranh giành được chính quyền xã, ấp ở huyện Mỏ Cày, sau đó

đồng loạt nổ ra trên toàn tỉnh và giành được thắng lợi lớn. Sự kiện này đã cổ vũ cho quân dân Kiên Tường bước vào Đồng Khởi với khí thế tiến công mạnh mẽ trong toàn tỉnh.

Sau thắng lợi ở hai xã diêm (Bình Hòa và Thạnh Phước), đến đêm 28-01-1960, Tỉnh ủy Kiên Tường đã công bố lệnh khởi nghĩa đồng loạt trên cả 4 vùng. Nếu ở Bến Tre mũi tấn công chính trị của quần chúng là chính kết hợp với lực lượng vũ trang hỗ trợ nổi dậy phá thế kìm kẹp, giải phóng xã, ấp, giành quyền làm chủ của nhân dân, thì trong Đồng Khởi đợt 1 ở Kiên Tường mũi quân sự đi trước tấn công, tạo thế và làm “đòn xeo” cho mũi tấn công chính trị của quần chúng và bước đầu thu được những kết quả quan trọng. Đây thực sự là một nét riêng, thể hiện sự sáng tạo, độc đáo, và là một đóng góp lớn của Đảng bộ, Tỉnh ủy và quân dân Kiên Tường trong quá trình đấu tranh cách mạng. Kết thúc Đồng Khởi đợt 1, trên cả 4 vùng: 2, 4, 6, 8, lực lượng vũ trang và nhân dân Kiên Tường đã diệt 56 tên ác ôn có nợ máu, cảnh cáo 98 tên, tiêu diệt và làm tan rã 300 tên bảo an, dân vệ, gỡ 21 đồn, thu hơn 100 súng các loại; giải phóng một vùng rộng lớn gồm 11/20 xã của tỉnh [10; tr.87]. Sau đợt 1, lực lượng vũ trang và chính trị của tỉnh phát triển mạnh mẽ. Tiểu đoàn 504 của Kiên Tường được tổ chức lại thành một đại đội cơ động mạnh và sẵn sàng cho những trận đánh kế tiếp.

Ngày 23-9-1960, quân dân Kiên Tường bước vào Đồng Khởi đợt 2 với khí thế tiến công quật khởi, nếu trong đợt

1, mũi tiến công quân sự đi trước làm “đòn xeo” cho mũi chính trị thì trong đợt 2, Kiên Tường đã đẩy mạnh kết hợp cả 2 mũi quân sự và chính trị, tiến hành tấn công phá đồn bót, phá thế kìm kẹp của địch, giải phóng xã, ấp. Đòn Khởi đợt 2 diễn ra đúng vào giữa mùa nước nổi, cả Kiên Tường là một biển nước mênh mông. Vì vậy, về phía ta lẫn địch, việc vận chuyển, đi lại đều gặp nhiều khó khăn. Nhưng trước tình thế khó khăn, bất lợi đó, các chiến sĩ cách mạng đã tìm ra một cách đánh địch sáng tạo: dùng những cây chuối kẹp vào hai bên xuống, lấy bao trấu chất lên làm công sự, lợi dụng đêm tối, mưa to tiến đến áp sát địch, chờ đến gần sáng thì tiến hành phá hàng rào, dùng xuống tấn công chiếm đồn địch. Bằng cách đánh sáng tạo này, mặc dù ở giữa mùa nước mênh mông nhưng quân dân Kiên Tường đã gỡ “47 đồn, bót, thu 102 súng các loại, giữ vững vùng giải phóng và giành quyền làm chủ một số xã, ấp khác” [10; tr.89-90].

Đòn Khởi năm 1960 ở Kiên Tường đã thể hiện một nét rất đặc trưng của quân dân vùng đất bưng biền, đó là dùng *lực lượng vũ trang tiến công kết hợp với nội tuyến bên trong* đánh phá tiêu diệt hàng loạt đồn bót của địch. Đồng thời, phối hợp với lực lượng vũ trang, đông đảo quần chúng nhân dân đã tiến hành đấu tranh trực diện với địch nhằm hạn chế việc địch bắn phá bừa bãi. Qua hai đợt Đòn Khởi, quân dân Kiên Tường đã giành được những thắng lợi lớn: giải phóng 11/23 xã, 5 xã chỉ còn 1 đồn địch, giải phóng trên 20.000 dân, diệt

56 tên ác ôn có nợ máu, cảnh cáo giáo dục 300 tên tề điệp, tiêu diệt và bức rút 8 đồn 20 tua (tháp canh), diệt và làm bị thương hơn 300 tên (chủ lực, bảo an, dân vệ và cảnh sát của địch), thu 102 súng, 5 máy truyền tin và hàng tấn đạn dược. [1; tr.679]

Thắng lợi trong Đòn Khởi năm 1960 ở Kiên Tường là kết quả của quá trình Tỉnh ủy cùng với quân, dân đoàn kết, kiên cường đấu tranh với tinh thần, khí thế tiến công quyết khởi và giành quyền làm chủ đại bộ phận nông thôn, mở và giữ đường hành lang chiến lược cho Nam Bộ qua đất Kiên Tường, hình thành thế 2 chân: chính trị, vũ trang; 3 mũi: chính trị, quân sự, binh vận; góp phần làm xoay chuyển tình thế cách mạng ở Kiên Tường từ thế phòng ngự, giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ, sẵn sàng tiến hành chiến tranh cách mạng chống đế quốc Mỹ và tay sai. Thắng lợi đó đã minh chứng minh sự vận dụng đường lối và phương thức đấu tranh cách mạng của Đảng bộ, Tỉnh ủy Kiên Tường trong Đòn Khởi là rất độc đáo, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng của địa phương. Đồng thời, Đòn Khởi thắng lợi đã dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh đầu năm 1961. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh là kết quả tất yếu của “*một quá trình đấu tranh kiên cường với biết bao gian lao thử thách*” [10; tr.92] của quân dân miền đất bưng biền Kiên Tường. Từ đây, Mặt trận trở thành ngọn cờ đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh to lớn, đưa

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ở Kiến Tường bước vào giai đoạn đấu tranh mới với niềm tin chiến thắng.

5. Kết luận

Trong giai đoạn từ năm 1954 - 1960, Mĩ - Diệm đã tiến hành khủng bố, đàn áp khốc liệt lực lượng cách mạng và nhân dân vô tội. Cách mạng miền Nam nói chung và ở Kiến Tường nói riêng bị tổn thất nặng nề, thiệt hại to lớn. Nhưng quân dân Kiến Tường đã kiên cường, anh dũng đấu tranh chống đế quốc Mĩ xâm lược và tay sai Ngô Đình Diệm. Từ 1955 đến 1959, nhờ sớm xây dựng được lực lượng vũ trang “núp” dưới danh nghĩa các giáo phái li khai, Kiến Tường đã có được sức mạnh quân sự cần thiết để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị một cách hiệu quả, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Đây là nét sáng tạo, độc đáo trong quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở tỉnh Kiến Tường.

Có thể nói, việc đẩy mạnh và phát

triển lực lượng vũ trang để làm chỗ dựa cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng trong hoàn cảnh Trung ương chưa cho phép đấu tranh vũ trang là một bài học kinh nghiệm quý báu, là một đóng góp quan trọng của quân dân Kiến Tường trong quá trình đấu tranh cách mạng. Trong những năm 1959 - 1960 ở Kiến Tường, chủ trương sử dụng biện pháp quân sự đi trước để tạo thế và làm “đòn xeo” cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng tiến hành công đồn diệt bót, giải phóng và giành quyền làm chủ xã, ấp là một nét sáng tạo, độc đáo trong đấu tranh cách mạng. Đồng thời, thắng lợi của Đồng Khởi năm 1960 đã minh chứng cho tính đúng đắn, sự tài trí và sáng tạo của quân dân Kiến Tường trong giai đoạn đấu tranh với tinh thần quật khởi, kiên cường, khí thế đấu tranh “long trời lở đất” và góp phần chuyển phong trào cách mạng Kiến Tường sang giai đoạn đấu tranh mới với niềm tin tất thắng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930-2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Ban Chỉ đạo công trình lịch sử kháng chiến chống Mĩ Khu 8 - Trung Nam Bộ (1997), *Đồng bằng khu Trung Nam Bộ chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1965)*, tập 1, In tại Xí nghiệp in Tiền Giang.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập (Miền Nam giữ vững thành đồng)*, tập 1, 1954-1960), Nxb Quân đội Nhân dân.
5. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 2, 1954-1975, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Hội đồng Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1996), *Địa chí Đồng Tháp Mười*, Nxb Chính trị Quốc gia.
8. Cao Văn Lương, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư (1981), *Tìm hiểu phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Võ Trần Nhã (chủ biên) (1993), *Lịch sử Đồng Tháp Mười*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Thường vụ Tỉnh ủy Long An (1993), *Kiến Tường lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân.
11. Thường vụ Tỉnh ủy Long An (1994), *Long An lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân.
12. *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*, (12-2000), Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thống Tây Nam Bộ xuất bản.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 08-8-2013 ;
ngày chấp nhận đăng: 27-9-2013)